

Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của **Bộ trưởng Bộ Xây dựng**)

MẪU THÔNG TIN NIÊM YẾT GIÁ VÉ (GIÁ CƯỚC)

1. Mẫu Bảng niêm yết giá vé (giá cước) đối với tuyến cố định:

GIÁ VÉ	
Tên tuyến:	
Bến đi....., Bến đến:	
Giá vé 1 lượt:đồng/ HK	
Giá vé chặng (nếu có): từ....đến....: đồng/HK.	
Giá vé đã bao gồm thuế GTGT và Bảo hiểm hành khách.	

2. Mẫu Bảng niêm yết giá vé (giá cước) đối với xe buýt:

GIÁ VÉ	
Số hiệu tuyến:.....	
Giá vé 1 lượt:đồng/ HK	
Giá vé tháng (nếu có):đồng/ HK	
Ghi chú: giá vé trên bao gồm thuế GTGT và Bảo hiểm hành khách.	

3. Mẫu Bảng niêm yết giá cước xe taxi:

Giá cước - Taxi Fare	
(Giá cước đã bao gồm thuế GTGT)	
.....(đồng)/...	(Đơn vị tính)
.....(đồng)/...	(Đơn vị tính)
.....(đồng)/...giờ chờ đợi (nếu có).	
Ghi chú: giá cước trên bao gồm thuế GTGT và Bảo hiểm hành khách.	

Hướng dẫn:

- Bảng niêm yết giá cước vận tải hành khách bằng xe taxi ở mặt ngoài cánh cửa xe có diện tích tối thiểu là 400 cm².

- Bảng niêm yết giá vé vận tải hành khách bằng xe tuyến cố định và xe buýt ở mặt ngoài thành xe có kích thước tối thiểu là 250 cm².
- Ngoài những thông tin nêu trên, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải được bổ sung các thông tin khác theo yêu cầu quản lý của đơn vị./.